

ĐỀ ÁN

Sắp xếp bản thuộc xã Phú Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động (từ ngày 01/7/2025) đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về tổ chức và hoạt động của bản trong đó có việc sắp xếp các bản trong tình hình mới. Từ thực tế đó và thực hiện các chỉ đạo, kết luận, quy định của Trung ương và của tỉnh; nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của bản phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. UBND xã Phú Xuân xây dựng Đề án sắp xếp bản trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở bản, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sắp xếp bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3120/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/5/2026 của Sở Nội vụ về việc xây dựng Phương án sắp xếp bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 3299/SNV-XDCQ&CTTN ngày 27/5/2026 của Sở Nội vụ về việc triển khai Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố;

Căn cứ Công văn số 9911/UBND-THĐT ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tham mưu triển khai Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố và

chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố;

Căn cứ Phương án số 04/PA-UBND ngày 26/5/2026 của UBND xã Phú Xuân về việc sắp xếp bản thuộc xã Phú Xuân;

Căn cứ Công văn số 389-CV/ĐU ngày 05/6/2026 của Đảng ủy xã Phú Xuân về việc lãnh đạo, chỉ đạo rà soát báo cáo phương án sắp xếp thôn (bản) trên địa bàn xã;

Căn cứ Công văn số 926/UBND-VHXH ngày 21/5/2026 về việc đề nghị cung cấp số liệu phục vụ thực hiện xây dựng Phương án sắp xếp các bản trên địa bàn xã;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/ĐU ngày 04/6/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Phú Xuân tại hội nghị Ban chấp hành;

Căn cứ Kết luận số 57-KL/ĐU ngày 11/6/2026 của Ban chỉ đạo về triển khai thực hiện sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Phú Xuân.

Căn cứ Công văn số 3706/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/6/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ, đề án sắp xếp bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Kết luận số 58-KL/BCĐĐU ngày 17/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy tại Hội nghị ngày 16/6/2026;

2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết

Phú Xuân là xã miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm tỉnh 150 km; có vị trí địa lý nằm bên bờ sông Mã ở vùng cao phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa; phía Bắc giáp xã Phú Lệ, phía Nam giáp xã Hội Xuân, phía Tây giáp xã Nam Xuân, phía Đông giáp xã Pù Luông. Xã có địa hình đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, địa bàn rộng dân cư phân bố không đồng đều, có 06 bản nằm bên bờ nam sông Mã phải qua sông, qua đò; kinh tế địa phương chủ yếu dựa vào nông, lâm nghiệp và chăn nuôi; kết cấu hạ tầng còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao. Xã Phú Xuân thuộc khu vực miền núi đặc biệt khó khăn có diện tích tự nhiên 10.212,4 ha, dân số 5.099 người, 1.125 hộ; toàn xã hiện có 11 bản, có 10/11 bản đặc biệt khó khăn. Trong những năm qua, hoạt động của bản trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của bản cũng còn nhiều tồn tại, bất cập, quy mô bản nhỏ làm phát sinh tổ chức, tạo đầu mối, tăng số lượng người hoạt động

không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể, khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông bản mới. Đến thời điểm hiện nay các bản không bảo đảm tiêu chí theo quy định; toàn xã có 11/11 bản có quy mô số hộ nhỏ hơn 350 hộ, chiếm 100%. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, số lượng bản được giữ nguyên, tuy nhiên nhiều đầu mối công việc, tạo áp lực đối với hoạt động chỉ đạo, quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

Từ thực tế nói trên, việc sắp xếp bản trên địa bàn xã Phú Xuân là phù hợp với thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã, tinh gọn bộ máy, giảm số lượng, đồng thời tạo sự gắn bó, củng cố sức mạnh, tăng cường đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội từ cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Về tổ chức và hoạt động của bản

1.1. Về số lượng bản:

- Tổng số bản: 11 bản.
- Số đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 0 bản.
- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 11 bản.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

1.2. Về tổ chức của bản, tổ dân phố:

- a) Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể:
- b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở bản, tổ dân phố:

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự:

1.3. Về hoạt động của bản:

Hoạt động quản lý hành chính và thực hiện quy ước, hương ước: Ban quản lý bản đã thực hiện tốt chức năng tự quản của cộng đồng dân cư; triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao. Việc duy trì và thực hiện Hương ước, Quy ước của các bản được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, góp phần bài trừ các hủ tục lạc hậu.

Phong trào xây dựng Nông bản mới: Hoạt động của các bản tập trung mạnh mẽ vào việc vận động nhân dân hiến đất làm đường giao bằng nông bản, đóng góp kinh phí, ngày công để chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường, xây dựng gia đình văn hóa.

Tồn tại, hạn chế: Do quy mô của cả 11 bản đều nhỏ (chưa đạt chuẩn), địa bàn dân cư chia cắt manh mún nên việc huy động đóng góp sức dân để xây dựng, nâng cấp các công trình phúc lợi lợi công cộng gặp nhiều khó khăn. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ - thể dục, thể thao, sinh hoạt cộng đồng tại Nhà văn hóa bản đôi khi còn trầm lắng do số lượng người dân tham gia ít. Quy mô bản nhỏ cũng làm hạn chế việc quy hoạch các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn tại địa phương.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP BẢN

1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp bản

1.1. Việc sắp xếp bản phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức chi bộ, ban công tác mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở bản.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở bản phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp bản ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bản trong tổ chức thực hiện.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở bản là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ bản tin, kỹ năng quản trị cộng đồng, chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

1.5. Việc đặt tên bản được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại bản; việc đổi tên bản thực hiện trong trường hợp trùng tên bản trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở bản.

1.6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được bản tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp bản theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tiêu chuẩn sắp xếp bản

2.1. Bản, tổ dân phố mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định; cụ thể: Bản có từ 350 hộ trở lên.

2.2. Bản trên địa bàn xã phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

3. Phương án tổng thể sắp xếp bản

3.1. Tổng số bản: 11 bản, trong đó:

a) Tổng số bản thực hiện sắp xếp: 09 bản gồm: Bản Phé, bản Mí, bản Bá, bản Mỏ, bản Pan, bản Thu Đông, bản Éo, bản Sa Lắng, bản Tân Sơn.

- Bản chưa đạt tiêu chuẩn: 09 bản.

- Bản đạt tiêu chuẩn: 0 bản.

b) Số bản không thực hiện sắp xếp: 02 bản gồm: Bản Giá và bản Vui.

- Bản chưa đạt tiêu chuẩn: 02 bản.

- Bản đạt tiêu chuẩn: 0 bản.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp:

a) Phương án sắp xếp:

Thực hiện sắp xếp 09/11 bản thành 03 bản; đề nghị không thực hiện sắp xếp 02 bản; cụ thể:

(1) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của bản Phé, bản Mí và bản Bá thành bản mới có tên gọi là **Bản Mí** (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, **bản Mí** có diện tích 867,44 ha, 257 hộ.

(2) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của bản Mỏ, bản Pan và bản Thu Đông thành bản mới có tên gọi là **Bản Pan** (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, **bản Pan** có diện tích 2.338,32 ha, 263 hộ.

(3) Sắp xếp toàn bộ diện tích, quy mô số hộ của bản Éo, bản Sa Lắng và bản Tân Sơn thành bản mới có tên gọi là **Bản Thanh Xuân** (sắp xếp toàn bộ).

Sau khi sắp xếp, **bản Thanh Xuân** có diện tích 2.681,51 ha, 316 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, xã Phú Xuân có 05 bản; trong đó có 03 bản mới hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Khoản 3.2 Điểm 3 Mục III và 02 bản không thực hiện sắp xếp là: bản Giá và bản Vui; trong đó:

(1) Về quy mô số hộ: Tổng số hộ trên địa bàn xã là 1.125 hộ.

- Số bản mới đạt tiêu chuẩn 0 bản

- Số bản mới chưa đạt tiêu chuẩn 03 bản

(2) Về diện tích tự nhiên: diện tích tự nhiên của toàn xã là 10.212,04 ha.

(3) Về tên gọi: 02 bản đặt tên gọi theo một trong các bản trước khi sắp xếp; 01 bản sử dụng tên gọi truyền thống trước đây hoặc tên gọi mới; 0 bản sử dụng tên chữ và số tự nhiên.

4. Giải trình đối với các bản đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp; các bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn

4.1. Các bản chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp:

4.2 Các bản mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn:

(Chi tiết tại Phụ lục 04, 05, 06 kèm theo).

5. Đánh giá tác động của việc sắp xếp bản

5.1. Ưu điểm: Sắp xếp bản trên địa bàn xã để thành lập các bản có quy mô lớn, tạo ra nguồn lực mạnh từ cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của bản, hoạt động của chi bộ và tổ chức chính trị - xã hội; việc giảm hơn 45,4% số bản, sẽ làm giảm một số lượng lớn những người hoạt động không chuyên trách, sẽ giảm khoảng 12 người hoạt động không chuyên trách; mỗi năm dự kiến sẽ giảm khoảng 500 triệu đồng từ ngân sách chi cho bản; là cơ sở để từng bước nâng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản trong thời gian tới; góp phần tinh gọn đầu mối, tinh giản số lượng, cơ cấu lại đội ngũ, giảm tải áp lực, góp phần bảo đảm yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyên đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân tại địa bàn cơ sở.

5.2. Hạn chế: Sắp xếp sẽ làm tăng quy mô số hộ của bản; một số bản có thể dôi dư nhà văn hóa - khu thể thao trong trường hợp các bản trước khi sáp nhập đều đã xây dựng xong hoặc nếu phải sử dụng lại để phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thì có thể dẫn đến quá tải; nhiệm vụ của Bí thư chi bộ, Trưởng bản và người hoạt động không chuyên trách khác cũng nặng nề hơn; việc thôi đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách do sáp nhập nhiều ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng cá nhân.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác bằng tin tuyên truyền

Nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, xã Phú Xuân tập trung triển khai các giải pháp tuyên truyền đồng bộ sau:

Đổi mới, đa dạng hóa hình thức truyền thông:

Sử dụng hệ thống truyền thanh của xã và các bản để phát thanh liên tục các bài phổ biến chủ trương, căn cứ pháp lý, quy mô diện tích, dân số của Đề án sáp nhập. Tăng cường thời lượng phát sóng vào các khung giờ cao điểm (sáng và chiều tối), đặc biệt là trong tuần lễ trước khi tổ chức lấy ý kiến cử tri.

Tăng cường tuyên truyền trực quan bằng qua băng rôn, khẩu hiệu, pa-nô tại

trung tâm hành chính xã, các trục đường chính và tại Nhà văn hóa của các bản thuộc diện sắp xếp.

Ứng dụng công nghệ bảng tin: Đăng tải toàn văn dự thảo Đề án trên Trang bảng tin điện tử của xã; tận dụng các trang, nhóm Zalo, Facebook của địa phương và của các đoàn thể để thông tin nhanh chóng, kịp thời đến người dân (kể cả những người đi làm ăn xa).

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị và người có uy tín:

Tổ chức Hội nghị quán triệt Đề án đến toàn thể cán bộ, công chức, bí thư chi bộ, trưởng bản, trưởng các đoàn thể từ xã đến bản để tạo sự đồng thuận ngay từ khâu lãnh đạo, chỉ đạo.

Chỉ đạo Ban công tác Mặt trận, các tổ chức thành viên (Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên) tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, lồng ghép nội dung tuyên truyền về quyền lợi, nghĩa vụ của hội viên, đoàn viên khi thực hiện sắp xếp bản.

Tranh thủ tiếng nói của các đồng chí đảng viên lão thành, người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư để giải thích, vận động nhân dân, kịp thời giải tỏa các băn khoăn, vướng mắc phát sinh.

Nội dung tuyên truyền tập trung, trọng điểm:

Phân tích rõ thực trạng quy mô bản hiện tại và sự cần thiết phải sắp xếp lại nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý, tập trung nguồn lực xây dựng hạ tầng nông bản mới nâng cao, nông bản mới kiểu mẫu.

Công khai, minh bạch các phương án: Tên gọi bản mới, vị trí dự kiến đặt Nhà văn hóa bản, phương án bố trí cán bộ dôi dư và lộ trình hỗ trợ người dân chuyển đổi các loại giấy tờ tùy thân (cam kết thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, không thu lệ phí).

2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ, đề án

2.1. Xây dựng đề án:

Căn Quyết định số 1717 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND xã Phú Xuân xây dựng Đề án sắp xếp bản của xã; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 10/6/2026.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân:

UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với nội dung sắp xếp bản; xác định rõ cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm thực hiện; quyết định lựa chọn một hoặc đồng thời cả hai hình thức lấy ý kiến Nhân dân: (1) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; (2) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân; tổng hợp, hoàn chỉnh đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 20/6/2026.

2.3. UBND cấp xã trình HĐND cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại bản thuộc xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 25/6/2026.

3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở bản mới

3.1. Về chức danh, số lượng:

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách: Gồm 03 chức danh chủ chốt bắt buộc theo quy định:

- Bí thư Chi bộ.
- Trưởng bản.
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

(Khuyến khích thực hiện chủ trương nhất thể hóa chức danh Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng bản hoặc Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận phù hợp với thực tế địa phương).

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Được bố trí thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại bản mới, bao gồm các chức danh:

- Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
- Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.
- Các Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

c) Các chức danh người tham gia hoạt động ở bản, gồm:

- Phó Trưởng bản
- Thôn đội trưởng (Dân quân tự vệ bản).
- Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ.
- Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.
- Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.

d) Đối với các chức danh khác như:

- Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi.
- Chi hội trưởng Chi hội Khuyến học.
- Chi hội trưởng Chi hội Chữ thập đỏ.
- Y tế bản (Cô đỡ bản bản nếu có)

3.3. Về chế độ, chính sách:

Người hoạt động không chuyên trách (Bí thư Chi bộ, Trưởng bản, Trưởng Ban công tác Mặt trận): Được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng, chế độ bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh Thanh Hóa về mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố.

Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự: Được hưởng hỗ trợ thường xuyên hàng tháng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn của tỉnh Thanh Hóa.

Người tham gia hoạt động ở bản và các chức danh khác: Được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng (hoặc hỗ trợ theo bồi dưỡng khi tham gia trực tiếp công việc) từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp của các tổ chức, đoàn thể.

Chế độ kiêm nhiệm: Người hoạt động không chuyên trách ở bản hoặc người tham gia hoạt động ở bản nếu kiêm nhiệm chức danh khác mà giảm được 01 người thì được hưởng phụ cấp/hỗ trợ kiêm nhiệm theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở bản:

a) Đối với các chức danh: (1) Bí thư Chi bộ; (2) Trưởng Ban công tác mặt trận; (3) bản, Bản đội trưởng; (4) Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội: Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh: Thực hiện theo Điều lệ Đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

b) Đối với chức danh Trưởng bản: Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, UBND cấp xã chỉ định Trưởng bản lâm thời để điều hành hoạt động của bản cho đến khi bầu được Trưởng bản. Thời gian chỉ định Trưởng bản lâm thời không quá 06 tháng.

c) Đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các chức danh tổ trưởng, tổ phó, tổ viên: Kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng này theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và trên cơ sở phù hợp với diện tích, dân cư, tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư.

d) Đối với Phó Trưởng bản: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của bản do UBND tỉnh ban hành.

đ) Về định hướng nhiệm kỳ của Trưởng bản: Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn có liên quan.

e) Đối với tổ chức Chi hội khác như: Người cao tuổi, Khuyến học, Chữ thập đỏ, Y tế bản: Thực hiện theo Điều lệ của tổ chức và hướng dẫn của cơ quan, ngành dọc cấp trên.

4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập bản

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của bản

UBND cấp xã rà soát toàn bộ hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao, thiết chế văn hóa, tài sản công của các bản trước khi sắp xếp để xây dựng phương án quản lý, sử dụng sau sắp xếp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bỏ không, xuống cấp, sử dụng sai mục đích. Đối với các bản trước khi sáp nhập đã có nhà văn hóa - khu thể thao mà vẫn đáp ứng được sinh hoạt của cộng đồng dân cư thì tiếp tục sử dụng. Trường hợp chưa có hoặc sau khi sắp xếp không thể sử dụng được nữa cần cải tạo hoặc xây dựng mới thì trong đề án sáp nhập bản. UBND xã phải dự kiến cụ thể vị trí, diện tích và nhu cầu kinh phí cần để xây dựng mới hoặc cải tạo lại. Đối với các cơ sở dôi dư hoặc không còn phù hợp, UBND xã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phương án điều chuyển, sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

Cụ thể phương án bố trí chi tiết như sau: Tiếp tục duy trì công năng phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của các cụm dân cư tại chỗ. Sử dụng làm nơi hội họp của các tổ chức đoàn thể (Chi hội Phụ nữ, Chi hội Người cao tuổi, Chi đoàn Thanh niên) để giảm tải cho nhà văn hóa trung tâm mới.

6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức

UBND xã chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, bảng báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại cấp xã.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để việc sắp xếp, bản trên địa bàn xã Phú Xuân đạt hiệu quả cao, ổn định tình hình chính trị - xã hội và tạo sự đồng thuận lớn trong nhân dân. Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân kính đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa và các cơ quan ban ngành cấp trên một số nội dung sau:

1. Về việc phê duyệt Đề án

- Kính đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa và Sở Nội vụ xem xét, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án sắp xếp bản của xã Phú Xuân theo Đề án của UBND xã Phú Xuân xây dựng.

2. Về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách

- Hỗ trợ thôi việc: Kính đề nghị cấp trên có cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời, thỏa đáng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản phải nghỉ việc hoặc dôi dư sau khi sắp xếp, nhằm tri ân những đóng góp của họ cho địa phương.

- Chế độ phụ cấp mới: Đề nghị điều chỉnh mức phụ cấp, sinh hoạt phí cho đội ngũ cán bộ bản mới sau khi sắp xếp, vì quy mô dân số và khối lượng công việc quản lý tại các bản mới sẽ tăng lên đáng kể.

3. Về cơ sở vật chất và hạ tầng thiết yếu

- Đối với 5 nhà văn hóa, bản tân sơn, bản Thu đông, bản Mỏ, bản Bá, bản Mí tiếp tục để lại sử dụng để làm nơi sinh hoạt cộng đồng cho các tổ dân cư. Đối với các nhà văn hóa là trung tâm của bản mới sau khi sắp xếp cải tạo mở rộng để phù hợp với quy mô của bản mới sau khi sắp xếp

Kính đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí xây mới nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn. Đối với các nhà văn hóa cũ, xin cơ chế cho phép xã chuyển đổi công năng sử dụng sang mục đích công cộng khác.

- Hạ tầng giao thông, thủy lợi: Ưu tiên bố trí các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư, kết nối hạ tầng giao thông, hệ thống thủy lợi giữa các bản cũ vừa được sắp xếp, giúp người dân đi lại và sản xuất thuận tiện hơn.

Trên đây là Đề án sắp xếp bản trên địa bàn xã Phú Xuân. UBND xã Phú Xuân báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- TT: Đảng ủy; HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ VN và các Đoàn thể cấp xã (để p/h);
- Trung tâm Cung ứng DVC xã (để tuyên truyền);
- Trang thông tin điện tử xã (để đăng tải);
- Các bản trên địa bàn xã (để t/h);
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quốc Thịnh

Phụ lục số 01:

Thống kê thực trạng thôn, tổ dân phố của xã, phường Phú Xuân

TT	Thôn, tổ dân phố	Số thôn, tổ dân phố	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Chi bộ đảng	Ban Công tác Mặt trận	Đoàn viên thanh niên	Hội viên cựu chiến binh	Hội viên nông dân	Hội viên phụ nữ	Nhà văn hóa thôn	Khu thể thao thôn, tổ dân phố
	Tổng cộng	11	1.125	5.099		11	87	237	260	892	782		Chưa có
1	Bản Éo		108	492	331.16	1	8	18	29	85	84	X	Chưa có
2	Bản Tân Sơn		155	622	1,352.24	1	9	25	32	102	76	X	Chưa có
3	Bản Thu Đông		55	245	24.35	1	7	23	13	58	42	X	Chưa có
4	Bản Pan		93	395	1,699.99	1	8	19	19	82	58	X	Chưa có
5	Bản Mỏ		115	505	613.98	1	8	24	33	76	98	X	X
6	Bản Phé		108	536	61.9	1	8	18	26	105	67	X	X
7	Bản Mí		79	316	682.87	1	8	15	28	76	57	X	Chưa có
8	Bản Bá		70	283	122.67	1	7	17	8	68	48	X	Chưa có
9	Bản Vui		117	591	1,507.57	1	7	21	17	96	90	Chưa có	Chưa có
10	Bản Sa Lắng		53	262	998.11	1	8	27	22	54	51	Chưa có	Chưa có
11	Bản Giá		172	852	2,817.22	1	9	30	33	90	111	Chưa có	Chưa có

Phụ lục số 02:
**Thống kê số lượng người hoạt động không chuyên trách
và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố của xã Phú Xuân**

TT	Chức danh	Số lượng	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi			
					Văn hóa			Chuyên môn			Lý luận chính trị			Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
					Tiêu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân				
	Tổng cộng	56	43	56	3	33	20	50	4	1	50	6	0	19	27	10	0
a	Người hoạt động không chuyên trách																
1	Bí thư Chi bộ	11	11	11	0	4	7	7	3	1	8	3	0	2	8	1	0
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố																
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	11	11	11	0	3	8	10	0	1	8	3	0	4	7	0	0
b	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố																
1	Thôn, Tổ đội trưởng																
2	Cô đỡ thôn, bản	1	1	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0
c	Tổ bảo vệ an ninh trật tự	33	20	33	3	25	5	33	0	0	33	0	0	13	11	9	0

Phụ lục số 03:

Tổng hợp phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố của các xã Phú Xuân

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố có tên, số hộ và diện tích dưới đây									Để thành lập thôn, tổ dân phố mới			Thôn, tổ dân phố mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Xây mới	
														Diện tích (m ²)	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Bản Phé	108	61.90	Bản Mí	79	682.87	Bản Bá	70	122.67	Bản Mí	257	867.44		300	5 tỷ
2	Bản Éo	108	331.16	Bản Sa Lắng	53	998.11	Bản Tân Sơn	155	1.352,34	Bản Thanh Xuân	316	2.681,61		300	5 tỷ
3	Bản Thu Đông	55	24.35	Bản Pan	93	1.699,99	Bản Mỏ	115	613.98	Bản Pan	263	2.338,32		300	5 tỷ

Phụ lục số 04, 05, 06:

Giải trình đối với các thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp và các thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn (phụ lục 04); thôn, tổ dân phố mới có quy mô số hộ lớn hơn 2 lần tiêu chuẩn (phụ lục 05); thôn, tổ dân phố mới có diện tích tự nhiên lớn 1.000 ha (phụ lục 06)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ	Diện tích (ha)	Nội dung giải trình
1	Bản Giá	172	2.817,22	Bản Giá: là bản vùng sâu vùng xa nhất của xã, chủ yếu là đồng bào dân tộc Mường cùng sinh sống; có nhiều phong tục tập quán mang tính cấu kết cộng đồng bản làng, nhiều sinh hoạt cộng đồng mang tính riêng biệt so với các cộng đồng bản làng khác, mặc dù dân số chưa đạt tiêu chí hộ theo quy định, nhưng các hộ gia đình sống rải rác, không tập trung do địa hình đồi núi, sông suối, nên không thể sáp nhập với các bản liền kề khác được, nếu phải sáp nhập sẽ không đảm bảo được việc sinh hoạt tập trung, dẫn đến việc tiếp thu thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước hạn chế, sẽ không phát huy được hiệu quả của đơn vị bản so với yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.
2	Bản Vui	117	1.507,57	Bản Vui: là bản vùng sâu vùng xa của xã, chủ yếu là đồng bào dân tộc Mường cùng sinh sống; có nhiều phong tục tập quán mang tính cấu kết cộng đồng bản làng, nhiều sinh hoạt cộng đồng mang tính riêng biệt so với các cộng đồng bản làng khác, mặc dù dân số chưa đạt tiêu chí hộ theo quy định, nhưng các hộ gia đình sống rải rác, không tập trung do địa hình đồi núi, sông suối, nên không thể sáp nhập với các bản liền kề khác được, nếu phải sáp nhập sẽ không đảm bảo được việc sinh hoạt tập trung, dẫn đến việc tiếp thu thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước hạn chế, sẽ không phát huy được hiệu quả của đơn vị bản so với yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.
3	Bản Mí	257	867,44	Khoảng cách với bản gần nhất là 3km, dân cư thưa thớt, không tập trung, địa bàn rộng, địa hình đồi núi, suối khe phức tạp, chia cắt qua sông Mã, nguy cơ thiên tai cao.
4	Bản Éo	316	2,681.61	Khoảng cách với bản gần nhất là 2,5km, dân cư thưa thớt, không tập trung, địa bàn rộng, địa hình đồi núi, suối khe phức tạp, nguy cơ thiên tai cao.
5	Bản Pan	263	2,338.32	Khoảng cách với bản gần nhất là 2km, dân cư thưa thớt, không tập trung, địa bàn rộng, địa hình đồi núi, suối khe phức tạp, nguy cơ thiên tai cao.